

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC HUẾ

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Khóa học: 2016 - 2020

Nghành: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch

Khóa 50 Lớp HDDL1

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	NS	Tâm lý học đại cương	Tin học đại cương	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Pháp luật đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế vi mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Ngoại ngữ chuyên ngành	Văn hóa học	Tổng quan du lịch	Quản trị học	Hệ thống các tuyến điểm du lịch	Kỹ năng giao tiếp	Địa lý du lịch	Văn hóa các dân tộc thiểu số	Nguyên lý thống kê kinh tế	Marketing dịch vụ	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Nghệ thuật hướng dẫn du lịch 1	Tổng điểm	
				2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3	3	3	74	
2	16D4011007	Trần Lê Ngọc Ánh	21/1/98	7.8	5.7	8.5	8.3	8.5	7.2	6.8	7.9	7.7	6.7	5.3	8.6	7.4	7.7	7.5	4.3	6.4	8.2	7.0	8.3	8.2	8.5	9.1	8.7	5.4	8.9	8.5	8.5	7.5	
5	16D4011013	Đinh Thị Thanh Bình	13/10/98	7.8	8.3	8.5	7.9	9.6	6.8	7.5	8.8	7.2	8.5	8.9	8.1	9.1	9.0	7.5	9.3	7.5	8.2	8.4	9.0	8.2	9.0	9.1	8.4	9.3	9.7	8.7	9.5	8.5	
8	16D4011021	Trần Quốc Cường	25/7/97	7.5	5.4	5.9	3.8	6.0	6.1	4.8	8.0	4.5	7.0	3.8	7.9	6.9	4.4	7.9	5.8	6.0	7.9	4.2	4.1	7.5	8.5	8.0	8.4	4.9	7.2	7.7	8.5	6.4	
10	16D4011032	Phan Văn Dũng	2/9/98	5.5	4.9	5.6	4.5	6.6	8.2	6.1	6.4	4.3	7.3	4.7	8.1	6.3	7.3	6.8	6.4	7.4	7.4	7.6	8.3	8.2	8.5	9.1	8.9	6.8	8.7	8.5	8.5	7.1	
11	16D4011034	Huỳnh Thị Hồng Đào	30/11/98	6.5	5.6	6.1	2.4	3.5	6.6	5.1	3.4	3.2	4.2	3.6	7.6	7.3	3.9	6.1	2.3	6.1	8.0	5.9	5.3	7.9	8.5	8.0	8.4	6.8	9.0	8.4	8.5	6.0	
15	16D4011044	Trương Công Guyn	22/3/98	8.0	6.5	9.0	5.2	5.9	8.4	5.5	7.9	5.9	7.9	6.1	7.6	5.9	6.1	6.1	4.7	7.7	8.0	7.2	7.0	7.9	9.0	8.7	8.0	7.7	8.9	8.5	8.5	7.2	
18	16D4011059	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/11/98	8.1	6.1	7.8	5.3	6.3	7.4	5.4	8.8	5.8	8.4	6.7	7.4	5.9	4.7	6.8	6.3	7.7	8.0	5.9	6.9	7.5	8.5	8.7	8.9	8.2	8.4	8.4	8.5	7.2	
19	16D4011060	Nguyễn Thị Thủy Hằng	7/10/98	6.6	6.8	4.7	4.7	6.8	7.9	4.3	6.4	5.1	6.7	4.9	7.9	4.7	5.1	7.2	5.5	5.4	7.9	4.2	6.2	6.1	8.5	8.7	6.3	6.3	9.1	8.5	8.5	6.4	
20	16D4011062	Nguy Như Nguyệt Hằng	16/4/98	7.0	6.5	8.5	6.3	4.2	8.6	6.2	7.8	5.2	8.0	7.3	8.3	7.2	6.7	7.9	8.4	8.5	8.0	7.0	6.0	7.9	8.5	9.1	8.4	8.7	8.9	8.2	9.0	7.6	
23	16D4011066	Lương Thị ái Hiền	8/8/97	8.2	5.6	5.4	5.6	4.2	7.9	6.8	7.8	6.2	8.2	7.7	6.4	5.3	4.2	6.8	5.4	7.4	7.6	4.9	4.8	7.5	8.5	9.1	9.1	8.2	8.9	8.7	8.5	6.9	
27	16D4011084	Nguyễn Duy Huy	17/3/97	7.0	6.0	4.8	6.6	5.6	7.2	6.4	4.3	3.6	6.6	5.6	7.9	4.8	7.0	6.2	6.3	6.7	8.2	6.3	6.3	8.2	8.5	7.3	8.4	8.0	8.8	8.4	8.5	6.8	
29	16D4011086	Bùi Thị Khánh Huyền	28/12/98	7.7	6.0	6.8	8.6	7.4	7.9	5.5	6.8	4.4	7.3	5.8	8.1	7.3	6.9	7.6	6.5	6.7	7.9	8.2	8.0	8.7	8.5	9.1	9.1	6.6	8.5	8.4	8.5	7.4	
32	16D4011103	Cao Thị Diệu Linh	22/2/98	8.9	7.5	8.5	9.8	7.7	8.9	8.7	9.0	7.0	8.5	9.3	8.3	9.0	8.9	7.6	10.0	8.1	8.0	8.8	9.1	8.3	8.5	8.7	8.7	9.7	9.1	8.4	8.5	8.6	
34	16D4011111	Phạm Đình Bạch Linh	20/2/97	7.4	5.3	3.5	7.5	8.2	6.6	6.4	7.2	2.8	7.8	6.3	7.6	5.6	7.3	6.6	4.9	6.5	8.2	7.5	7.3	7.9	8.5	9.1	8.4	8.4	8.4	8.4	8.5	7.1	
35	16D4011116	Võ Thị Mỹ Linh	6/11/98	8.1	7.0	6.2	8.2	7.4	8.9	7.8	8.3	4.9	6.7	5.9	8.1	5.9	7.7	8.7	6.9	5.3	8.2	6.9	9.0	8.9	8.5	9.4	8.7	7.8	8.8	8.7	8.5	7.7	
37	16D4011121	Hứa Thị Hoài Lưu	6/12/98	8.9	5.6	5.2	6.6	6.3	7.9	7.6	7.9	5.1	7.0	6.1	8.8	7.3	7.4	8.2	6.9	7.1	8.2	8.4	9.0	8.2	9.0	8.4	8.4	8.6	8.9	8.7	8.5	7.7	
38	16D4011129	Hồ Văn Mâu	30/3/98	8.2	6.2	9.1	4.7	5.1	7.3	6.4	8.4	7.5	8.4	7.4	8.8	7.7	9.1	7.9	7.7	8.3	8.2	8.6	9.1	8.6	9.0	9.1	8.0	6.3	8.4	8.5	8.5	7.9	
41	16D4011138	Đỗ Thị Ly Na	24/8/98	8.0	7.5	7.5	4.1	5.5	7.2	6.1	9.0	7.1	6.2	6.9	8.4	7.9	6.2	7.5	6.1	8.2	8.0	9.1	8.1	7.9	8.5	9.1	8.4	7.3	9.0	8.5	8.5	7.6	
43	16D4011151	Dương Thị Thanh Ngọc	29/1/98	7.5	5.6	4.8	6.3	4.3	6.1	7.5	6.8	5.4	6.7	5.9	8.5	5.6	4.4	6.1	5.3	6.8	8.2	8.0	8.3	8.9	9.0	9.4	8.3	7.9	8.7	8.4	9.0	7.1	
44	16D4011155	Đào Ngọc Nguyên	21/2/98	7.3	7.3	8.4	7.8	8.4	7.5	5.1	8.2	5.8	5.8	6.7	8.4	4.0	5.7	7.2	5.7	6.7	7.7	6.2	6.2	8.0	9.0	8.4	7.9	9.4	8.9	8.5	8.5	7.3	
45	16D4011158	Nguyễn Thị Ngư	19/6/98	9.1	4.7	6.2	5.7	6.5	8.2	7.1	7.1	4.7	8.8	4.9	8.4	5.8	7.6	5.1	6.8	7.7	8.2	9.3	8.0	8.2	8.5	8.0	8.4	4.9	8.4	8.9	8.5	7.3	
48	16D4011181	Nguyễn Thị Kiều Oanh	27/12/98	7.4	6.9	8.5	4.9	8.6	7.5	4.8	9.0	5.4	7.7	5.9	8.3	5.6	7.9	4.0	6.2	7.6	8.2	7.0	8.7	7.9	9.0	9.1	8.7	5.1	8.9	8.5	8.5	7.3	
49	16D4011184	Lê Cẩm Phương	11/9/98	6.3	6.3	5.9	8.2	7.7	7.5	6.0	8.2	5.9	8.5	5.8	8.1	4.9	7.2	6.1	6.9	7.1	8.0	9.4	9.0	7.9	8.5	8.7	9.1	6.6	9.4	8.4	8.5	7.5	
51	16D4011186	Lê Viêt Phương	3/3/97	7.7	6.8	6.2	6.3	4.5	6.8	7.0	5.2	5.8	8.4	4.6	7.0	6.1	8.0	6.5	5.1	7.4	7.9	7.0	8.3	7.5	8.5	9.1	9.4	6.6	9.4	8.0	8.5	7.1	
55	16D4011196	Ngô Võ Như Quỳnh	1/3/98	8.0	6.4	7.9	5.2	5.9	6.0	5.1	7.1	7.9	5.6	5.6	8.0	4.5	7.4	5.4	6.5	4.3	7.6	7.0	8.3	7.9	8.5	8.4	8.4	4.6	8.9	8.1	8.5	6.9	
56	16D4011197	Nguyễn Thị Như Quỳnh	5/7/98	7.3	6.5	5.9	5.8	4.3	8.2	6.0	6.3	4.7	5.0	6.5	8.2	7.2	7.0	7.9	5.0	8.5	7.4	5.2	5.5	7.4	8.5	8.0	5.7	4.0	8.1	8.0	9.0	6.7	
60	16D4011208	Lê Thị Tâm	3/8/98	9.0	5.9	6.5	7.0	5.0	8.2	6.4	7.1	4.0	6.8	6.0	8.5	5.2	5.9	7.2	4.0	8.5	8.0	8.2	8.1	8.4	8.5	9.4	9.4	5.2	8.6	8.5	9.0	7.2	
63	16D4011226	Lộc Thị Thoa	19/12/97	8.0	6.6	8.4	4.9	4.9	7.5	6.0	7.2	5.9	7.0	4.5	8.4	3.7	5.9	6.9	6.5	8.4	7.9	7.2	8.1	8.0	8.5	8.4	8.6	6.5	8.7	8.5	8.5	7.1	

[illegible]